

Số: 2161 /QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 03 tháng 10 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Ban hành Đề án sản xuất vụ Xuân, vụ Hè năm 2014.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;
Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 352/TTr-SNN&PTNT ngày 23/9/2013,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án sản xuất vụ Xuân, vụ Hè năm 2014.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các địa phương thực hiện Đề án.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc sở, Thủ trưởng ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trong tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, NN, TM, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Ca

ĐỀ ÁN SẢN XUẤT VỤ XUÂN, VỤ HÈ NĂM 2014
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2161/QĐ-UBND
ngày 03 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT VỤ XUÂN, VỤ HÈ NĂM 2013.

1. Kết quả sản xuất vụ Xuân, vụ Hè năm 2013.

- Diện tích gieo cấy lúa xuân 80.466ha, giảm 678ha; trong đó diện tích lúa gieo thẳng 21.981ha, tăng 4.060ha so với vụ Xuân 2012; đã có 12 xã áp dụng gieo mạ khay, cấy bằng máy.

Cơ cấu giống: Nhóm giống ngắn ngày đạt 77.073ha, chiếm 95,78%; nhóm giống dài ngày 4,22%; nhóm lúa lai 15,51%, giảm 2,02%; nhóm giống lúa chất lượng 25.122ha, chiếm 31,22% tổng diện tích, tăng 1.184ha so với vụ Xuân 2012.

Năng suất lúa đạt 72,50 tạ/ha; sản lượng đạt 583.379 tấn, tăng 2.206 tấn so với vụ Xuân 2012.

- Cây màu xuân: Tổng diện tích 12.522ha, giảm 398ha so với vụ Xuân 2012. Trong đó: Cây ngô 2.400ha, sản lượng đạt 13.201 tấn; cây lạc 1.673ha, sản lượng 4.944 tấn; đậu tương 492ha, sản lượng 1.165 tấn; khoai lang 381ha, sản lượng 4.727 tấn; rau các loại 5.175ha, sản lượng đạt 131.499 tấn (khoai tây 137ha), sản lượng 2.176 tấn; đậu các loại 474 ha, sản lượng 639 tấn.

- Diện tích cây màu vụ Hè 7.922ha, tăng 4.217ha so với năm 2012. Trong đó: Diện tích dưa, bí các loại 2.127ha, đậu đỗ lấy hạt 1.592ha, đậu tương 1.119ha, ngô 773ha, rau màu khác 2.311ha.

Sản xuất vụ Xuân - Hè 2013 cơ bản thuận lợi, là một trong những vụ có năng suất lúa cao, hiệu quả sản xuất cây màu đạt khá.

Đạt được kết quả trên là do một số nguyên nhân chính sau đây:

- Thời tiết: Tương đối thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp; nền nhiệt toàn vụ đảm bảo cho lúa và các cây trồng khác sinh trưởng và phát triển. Ở giai đoạn lúa đẻ nhánh, làm đồng thời tiết khá thuận lợi cho cây lúa sinh trưởng, phát triển tạo điều kiện để cây lúa cho số bông hữu hiệu trên khóm cao.

- Nguồn nước tưới đảm bảo cho sinh trưởng và phát triển của cây trồng; công tác thủy lợi được điều hành tốt nên việc lấy nước tưới phục vụ sản xuất thuận lợi, toàn bộ diện tích đều được thau chua, rửa mặn, tẩy phèn; vùng lúa gieo thẳng điều tiết tưới tiêu hợp lý, giúp cho cây lúa sinh trưởng phát triển đều trên tất cả các chân đất, vùng, miền. Kết quả công tác dồn điền đổi thửa ở nhiều xã tạo thuận lợi cho quy hoạch, cơ giới hóa và chỉ đạo trong sản xuất nông nghiệp.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo được thực hiện đồng bộ, cụ thể, quyết liệt trong suốt vụ sản xuất, đặc biệt trong chỉ đạo chấp hành lịch thời vụ gieo cấy, cơ cấu giống lúa, kỹ thuật chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh nên đã chủ động khống chế được bệnh đạo ôn gây hại ngay từ giữa tháng 4/2013; giống, vật tư phân bón cho sản xuất đáp ứng đầy đủ về chủng loại, số lượng và chất lượng; nhận thức về sản

xuất nông nghiệp hàng hóa, kinh nghiệm chỉ đạo ứng phó với diễn biến bất thường của thời tiết của cán bộ và nông dân được nâng cao.

- Có sự phối hợp chặt chẽ giữa ngành nông nghiệp với các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trong chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, đề ra các giải pháp chỉ đạo và giải pháp kỹ thuật phù hợp với từng thời điểm trong vụ sản xuất; đặc biệt, công tác tuyên truyền, hướng dẫn sản xuất của các cơ quan thông tin đại chúng ở Trung ương và địa phương đã góp phần quan trọng cho vụ sản xuất thắng lợi.

- Tham mưu đồng bộ, kịp thời các chính sách hỗ trợ, Ủy ban nhân dân tỉnh có quyết định phê duyệt sớm tạo điều kiện cho các địa phương chủ động điều hành; các huyện, thành phố đều có chính sách khuyến khích riêng phù hợp với yêu cầu cụ thể của địa phương. Đặc biệt, chính sách hỗ trợ cho sản xuất vụ Hè đã tạo động lực mở rộng diện tích gieo trồng cây màu hè; chính sách hỗ trợ gieo trồng lúa Xuân, chương trình xây dựng nông thôn mới cùng với Đề án xây dựng thí điểm mô hình Cánh đồng mẫu của tỉnh đã tạo điều kiện khích lệ các địa phương hỗ trợ mở rộng thêm nhiều cánh đồng mẫu.

2. Những tồn tại và hạn chế.

2.1. Tồn tại, hạn chế:

- Năng suất trà lúa trở trước ngày 30/4/2013 và sau 15/5/2013 không cao đã ảnh hưởng đến năng suất chung của toàn vụ;

- Bệnh đạo ôn phát sinh sớm và gây hại trên diện rộng, mức độ gây hại kéo dài tốn nhiều chi phí cho công tác phòng trừ;

- Hiệu quả của công tác diệt chuột chưa cao, chủ yếu dựa vào hỗ trợ của tỉnh và huyện, ít quan tâm đến việc đánh bắt thủ công và thường xuyên;

- Chất lượng dịch vụ vật tư nông nghiệp như giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật ở một số nơi chưa cao;

- Tiến độ và chất lượng cánh đồng mẫu còn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn sản xuất, về quy mô và thị trường tiêu thụ.

2.2. Nguyên nhân:

a. Tồn tại, hạn chế do nguyên nhân khách quan:

- Vụ Xuân 2013 là vụ ẩm, ẩm, nắng ít, số giờ nắng và lượng mưa thấp hơn trung bình nhiều năm; song, có nhiều ngày mưa nhỏ và mưa phùn, độ ẩm cao, đất lúa không phơi được ải tạo điều kiện thuận lợi cho nhiều đối tượng sâu, bệnh hại phát sinh sớm; đầu tháng 4, nhiệt độ xuống thấp dưới 22⁰c (trong đó, từ ngày 10 đến 13/4 có 04 ngày nhiệt độ dưới 20⁰c) đã ảnh hưởng đến giai đoạn phân hóa đòng của một số giống lúa; vào giai đoạn lúa trở đến chín gặp nhiều ngày nắng nóng, gió tây ảnh hưởng đến quá trình trở bông, phơi màu và quá trình vận chuyển, tích lũy dinh dưỡng vào hạt;

- Lao động thời vụ thiếu, giá nhân công và giá vật tư nông nghiệp cao, giá một số nông sản thấp làm ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất.

b. Tồn tại, hạn chế do nguyên nhân chủ quan:

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện ở một số địa phương, cơ sở còn yếu, chưa sát sao, cụ thể, chưa rõ ràng giữa chức năng quản lý nhà nước với dịch vụ nông nghiệp, nhất là công tác chỉ đạo trong sản xuất nông nghiệp. Công tác quản lý nhà nước về vật tư nông nghiệp ít được quan tâm ở cấp cơ sở xã.

- Công tác dồn điền đổi thửa ở nhiều địa phương còn chậm ảnh hưởng đến tiến độ làm đất; đất lúa không gieo trồng cây vụ Đông, không làm cải tạo nơi cư trú của sâu bệnh hại; hệ thống thủy lợi tuy đã được sửa chữa nâng cấp nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu của sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn; công tác nạo vét, khơi thông dòng chảy chưa được thường xuyên;

- Công tác quy vùng sản xuất còn hạn chế, cơ cấu giống và thời vụ gieo trồng không đồng nhất, chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất nông nghiệp hàng hóa đồng thời làm hạn chế áp dụng cơ giới trong sản xuất; tỷ lệ các giống lúa nhiễm bệnh đạo ôn còn khá lớn ở vụ Xuân (như BC15, TBR1, Q5, Nếp,...) chiếm 48,68%.

- Một bộ phận nông dân không thực hiện đúng chủ trương của tỉnh về cơ cấu giống lúa, thời vụ gieo cấy, công tác phòng trừ sâu bệnh và chưa áp dụng đúng quy trình kỹ thuật trong sản xuất.

II. CHỦ TRƯỞNG, BIỆN PHÁP SẢN XUẤT VỤ XUÂN, VỤ HÈ NĂM 2014.

1. Những thuận lợi, khó khăn đối với sản xuất vụ Xuân, vụ Hè 2014.

1.1. Thuận lợi:

- Các xã đã thực hiện xong quy hoạch chi tiết giao thông, thủy lợi nội đồng và cơ bản thực hiện xong dồn điền đổi thửa, tỷ lệ cơ giới hóa các khâu trong sản xuất nông nghiệp được chú trọng đầu tư;

- Đề án xây dựng thí điểm mô hình “Cánh đồng mẫu” được địa phương quan tâm, hưởng ứng, nông dân đồng thuận và nhiều doanh nghiệp tích cực tham gia;

- Các tiến bộ kỹ thuật mới trong canh tác, giống, phân bón, bảo vệ thực vật được áp dụng rộng rãi góp phần tăng năng suất cây trồng, giảm chi phí sản xuất, tạo niềm tin cho các hộ nông dân đầu tư vào sản xuất nông nghiệp; đội ngũ cán bộ kỹ thuật của tỉnh có trình độ và kinh nghiệm trong chỉ đạo, chuyên giao tiến bộ kỹ thuật mới;

- Các loại giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, được quản lý, đảm bảo chất lượng đáp ứng nhu cầu của sản xuất.

1.2. Khó khăn:

- Biến đổi khí hậu toàn cầu vẫn luôn là mối lo ngại sẽ gây nhiều bất lợi cho sản xuất và đời sống; thời tiết diễn biến bất thường, không tuân theo quy luật nên rất khó lường;

- Nhận thức về chuyển đổi giống cây trồng, quy trình canh tác, bảo vệ thực vật, quy vùng sản xuất đối với lúa xuân, cây màu xuân và cây vụ Hè ở một số địa phương và nông dân còn hạn chế, gây khó khăn cho công tác chỉ đạo, điều hành;

- Sâu bệnh hại tiềm ẩn nhiều rủi ro, trong khi giá các loại vật tư nông nghiệp, giống cây trồng cao; lực lượng lao động nông nghiệp thiếu, giá thóc gạo ở mức thấp nên sẽ hạn chế sự đầu tư của nông dân;

- Hệ thống thủy lợi chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất nông nghiệp hàng hóa và chưa chủ động tưới tiêu được cho các vùng sản xuất cây màu.

2. Chủ trương sản xuất vụ Xuân, vụ Hè 2014.

2.1. Chủ trương:

- Tiếp tục thực hiện mạnh mẽ chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo tinh thần tái cơ cấu ngành trồng trọt, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển nền nông nghiệp bền vững. Chuyển diện tích cây lúa hiệu quả thấp hơn sang trồng các cây rau màu ngắn ngày có giá trị kinh tế cao hơn, trọng tâm là các cây rau màu có giá trị và có doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm (Dưa bí các loại, ớt, ngô chất lượng...).

- Xây dựng kế hoạch sản xuất vụ Xuân phải gắn với sản xuất vụ Hè, vụ Mùa và vụ Đông tạo công thức luân canh cây trồng phù hợp, liên hoàn, hiệu quả kinh tế cao và đảm bảo cây trồng vụ trước phải tạo thế mở rộng và thâm canh cho cây trồng vụ sau.

- Từng bước gắn sản xuất nông nghiệp hàng hóa, giá trị cao với mô hình cánh đồng mẫu, tạo cơ sở để nhân rộng ở những năm tiếp theo, coi việc nâng cao hiệu quả, giá trị là cốt lõi đối với phát triển sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân trong thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Mở rộng diện tích lúa thơm, lúa Nhật, hình thành vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn liên xã để tạo bước đột phá về sản xuất lúa chất lượng cao, xây dựng thương hiệu “Gạo thơm Thái Bình”.

- Đẩy mạnh công tác khuyến nông, chuyển giao và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ cao về canh tác, giống, phân bón, bảo vệ thực vật, máy móc, công cụ vào sản xuất; ứng dụng quy trình thực hành sản xuất tốt (GAP) đối với các cây trồng chủ yếu; ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất trồng trọt và phát triển các vùng sản xuất tập trung, nhằm thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, trong đó:

+ Lúa xuân: Chủ động với loại hình thời tiết ẩm, gieo cấy 100% diện tích bằng các giống ngắn ngày để thâm canh giành năng suất và sản lượng cao; khuyến cáo tăng tỷ lệ các giống lúa ưu thế lai có khả năng chống chịu, thích ứng tốt và chất lượng khá trở lên; bố trí hài hòa, hợp lý tỷ lệ lúa chất lượng và lúa năng suất cao; mở rộng diện tích gieo thẳng, lúa cấy bằng máy, tăng cường đưa cơ giới vào các khâu sản xuất nông nghiệp nhằm giảm chi phí đầu vào, đảm bảo thời vụ trong điều kiện thiếu lao động; thực hiện canh tác bền vững.

+ Vụ Hè: Mở rộng sản xuất cây vụ Hè, trọng tâm là cây vụ Hè sau lúa xuân. Các huyện, thành phố: Quy hoạch cụ thể, chi tiết các vùng sản xuất cây vụ Hè; xây dựng cơ cấu giống lúa ngắn ngày và lịch thời vụ riêng cho vùng gieo trồng cây vụ Hè, không làm ảnh hưởng đến sản xuất lúa đại trà; xây dựng cơ chế hỗ trợ cho vùng sản xuất cây vụ Hè giữa hai vụ lúa.

+ Tăng cường chỉ đạo, giám sát công tác thủy nông, phương châm: Giữ nước là chính; điều tiết nước hợp lý giữa các vùng, các giai đoạn sinh trưởng, phát triển của cây trồng, tạo thuận lợi cho sản xuất cây màu và gieo cấy lúa xuân. Làm tốt công tác bảo vệ thực vật, không để sâu bệnh gây hại diện rộng.

+ Hoàn thiện bờ vùng, bờ thửa, giao thông nội đồng, hệ thống thủy lợi, đưa nhanh cơ giới vào các khâu trong sản xuất nông nghiệp, ưu tiên khâu làm đất, gieo cấy và thu hoạch.

2.2. Mục tiêu.

a. Lúa xuân:

- Diện tích: 80.500ha trở lên, trong đó diện tích gieo thẳng 25.000ha trở lên.
- Năng suất: 72 tạ/ha trở lên.
- Sản lượng: 579.600 tấn trở lên.

b. Cây màu xuân: Tổng diện tích 12.500ha trở lên, trong đó:

- | | | | |
|-------------------|---------|-------------------------|---------|
| - Cây ngô: | 2.500ha | - Cây lạc: | 2.000ha |
| - Cây đậu tương: | 500ha | - Cây khoai tây: | 200ha |
| - Cây khoai lang: | 400ha | - Cây rau đậu các loại: | 5.500ha |
| - Thuốc lá: | 400ha | - Cây khác: | 1.000ha |

Cụ thể: Hưng Hà 2.100ha; Quỳnh Phụ 1.100ha; Đông Hưng 1.350ha; Thái Thụy 1.600ha; Vũ Thư 3.000ha; Kiến Xương 1.150ha; Tiền Hải 1.500ha; Thành phố 700ha.

c. Cây màu hè: Tổng diện tích 8.000ha trở lên (trong đó: Diện tích cây màu hè giữa hai vụ lúa 2.000ha trở lên), gồm: Cây dưa, bí các loại 2.200ha; cây ngô 800ha; đậu đỗ lấy hạt các loại 1.500ha; cây rau đậu các loại 2.500ha và cây đậu tương 1.000ha.

Cụ thể: Hưng Hà 1.650ha; Quỳnh Phụ 750ha; Đông Hưng 550ha; Thái Thụy 1.200ha; Vũ Thư 1.600ha; Kiến Xương 500ha; Tiền Hải 1.200ha; Thành phố 550ha.

3. Các giải pháp sản xuất vụ Xuân, vụ Hè 2014.

3.1. Các giải pháp về quản lý, chỉ đạo.

- Huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, chính quyền từ tỉnh, huyện đến cơ sở; tăng cường lực lượng cán bộ kỹ thuật ngành Nông nghiệp xuống cơ sở chỉ đạo quyết liệt về cơ cấu giống, lịch thời vụ, quy trình canh tác, vùng sản xuất hàng hóa, công tác thủy nông, bảo vệ thực vật. Chủ động xử lý và có kế hoạch ứng phó với các tình huống bất lợi trong sản xuất nông nghiệp.

- Tăng cường tuyên truyền, tập huấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật sản xuất nông nghiệp vụ Xuân, vụ Hè 2014, giúp nông dân nắm bắt chủ trương sản xuất nông nghiệp của tỉnh, huyện, thành phố, nắm vững quy trình canh tác từng loại cây trồng, đồng thời nâng cao nhận thức về sản xuất nông nghiệp hàng hóa, ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu để tích cực, chủ động trong sản xuất và chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

- Tăng cường công tác quản lý giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; kiên quyết xử lý các tổ chức, cá nhân bán hàng chất lượng kém và bán hàng không theo khuyến cáo của cơ quan chuyên môn; tiếp tục thực hiện Đề án đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý thuốc bảo vệ thực vật tại Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 28/7/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Tiếp tục triển khai thực hiện: Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản; Thông tư số 53/2011/TT-BNNPTNT ngày 02/8/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản; kiên quyết xử lý các tổ chức, đơn vị, cá nhân bán giống cây trồng, phân bón kém chất lượng.

- Thực hiện nghiêm túc công tác quy hoạch sản xuất, xây dựng vùng sản xuất hàng hóa có hiệu quả cao theo mô hình cánh đồng mẫu; chủ động tìm kiếm đối tác thu mua nông sản, mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản phẩm.

- Quy hoạch cụ thể vùng trồng cây màu hè ở chân đất cao, vằn cao, vằn; chỉ đạo cụ thể về cơ cấu giống ngắn ngày, thời vụ gieo trồng của cả lúa và cây màu xuân bảo đảm thu hoạch kịp thời vụ để gieo trồng cây màu hè.

3.2. Các giải pháp kỹ thuật.

a. Lúa xuân. Căn cứ mục đích sử dụng đất, phương thức sản xuất, trình độ thâm canh, kinh nghiệm và chân đất để bố trí cơ cấu giống và thời vụ cho hợp lý.

* *Cơ cấu giống:* Lúa thuần chất lượng cao đạt 35% tổng diện tích (Lúa Nhật Bản, Bắc thơm số 7, RVT, VS1, TBR45, N97,...); lúa thuần năng suất cao 40%

(BC15, TBR1,...); lúa lai 25% trở lên (D.uru 527, TX111, N.uru 69, CNR36, ZZD001,...).

** Thời vụ và phương thức gieo cấy:* Căn cứ vào giống lúa, chân đất, phương thức gieo cấy, công thức luân canh để bố trí thời vụ thích hợp đảm bảo cho lúa trở đại trà vào thời điểm có xác suất an toàn cao từ ngày 05 đến 20/5/2014.

- Các giống có thời gian sinh trưởng dưới 130 ngày (TBR1, RVT, Bắc thơm số 7, TBR45, N97...) gieo mạ xung quanh tiết Lập Xuân (từ ngày 03 đến 10/02/2014), phương thức gieo mạ chủ yếu là mạ non trên nền đất cứng có che phủ nilon trắng; tuổi mạ khi cấy đạt 2,5 - 3 lá, cấy kết thúc trước ngày 25/02/2014; gieo thẳng từ ngày 10 đến 20/2/2014.

Các giống có thời gian sinh trưởng trên 130 ngày như: BC15, lúa Nhật (ĐS1) và các giống lúa lai, gieo sớm hơn 7 - 10 ngày (từ ngày 25 đến 29/01/2014); gieo thẳng từ ngày 05 đến 10/2/2014.

Lưu ý: Riêng vùng lúa xuân, sau thu hoạch gieo trồng cây màu hè hoặc làm mạ mùa, cần bố trí các giống ngắn ngày (nên sử dụng giống có thời gian sinh trưởng dưới 120 ngày như lúa Nhật Koshi Hikari), gieo mạ non trên nền đất cứng hoặc mạ được non trên nền ruộng có làm khum che phủ nilon trắng từ ngày 15 đến 20/01/2014 để lúa trở bông vào tuần 3 tháng 4, thu hoạch tuần 3 tháng 5.

Trong cùng nhóm, giống có thời gian sinh trưởng dài hơn hoặc cấy trên chân đất kìm hãm gieo đầu lịch, giống ngắn ngày hơn gieo cuối lịch.

** Những vấn đề cơ bản về kỹ thuật:* Cần được tuân thủ theo khuyến cáo của ngành nông nghiệp cụ thể với từng giống, từng phương thức sản xuất, từng thời vụ. Khuyến khích các hình thức sản xuất tiên tiến vừa tiết kiệm chi phí, giảm nhân lực, tăng hiệu quả sản xuất như: Gieo thẳng (gieo nổi, gieo ngầm); gieo mạ khay, cấy bằng máy; ứng dụng Hệ thống canh tác lúa cải tiến SRI (phương pháp canh tác lúa sinh thái và hiệu quả, giảm chi phí về giống, phân bón, thuốc trừ sâu và nước tưới, tăng năng suất; những kỹ thuật cơ bản của phương pháp, bao gồm: Cấy mạ non, cấy 1 dảnh, cấy thưa, quản lý nước, làm cỏ sục bùn và bón phân hữu cơ); nghiên cứu và hoàn thiện quy trình làm lúa tái sinh để phát huy cao nhất hiệu quả sử dụng đất lúa.

b. Cây màu vụ Xuân.

- Cây ngô: Sử dụng các giống ngô lai có năng suất, chất lượng tốt vào sản xuất, chú trọng sử dụng các giống ngô ngắn ngày, có khả năng chịu hạn tốt như: VS36, LVN61, NK4300, LVN99, CP333, CP-A88, NK66; giống ngô nếp MX10, HN88, VN6; ngô đường có thời gian từ trồng đến thu bắp tươi 65 - 75 ngày, chất lượng tốt, thích hợp ăn tươi. Khuyến khích các địa phương liên kết sản xuất ngô giống F1 theo hợp đồng với các doanh nghiệp, Trung tâm Giống cây trồng.... Thời vụ gieo từ ngày 15 đến cuối tháng 01 năm 2014.

Áp dụng phù hợp các quy trình kỹ thuật cho từng giống, trong đó sản xuất phải theo hướng thâm canh, tăng mật độ gieo trồng lên 2.200 - 2.500 cây/sào. Bố trí trồng luân canh, xen canh ngô với cây họ đậu nhằm bổ sung dinh dưỡng cho đất.

- Cây lạc: Mở rộng diện tích gieo trồng bằng các giống lạc có năng suất cao, chất lượng tốt như: L14, L18, L20, TB25. Thời vụ gieo trồng từ ngày 15/01 đến 10/02/2014. Áp dụng phương pháp gieo trồng có che phủ nilon.

- Cây đậu tương: Lựa chọn các giống có tiềm năng năng suất cao như DT84, ĐT26, ĐVN10, DT2008, Đ8, ĐVN11... Chủ động nhân giống đậu tương cho vụ Hè Thu và vụ Đông. Thời vụ gieo trồng từ ngày 20/02 đến 05/3/2014.

- Cây khoai tây: Mở rộng diện tích khoai tây xuân trên chân đất cao, sử dụng các giống có năng suất cao, chống chịu bệnh tốt như Solara, Marabel, Esprit (Đức), Atlantic (Mỹ), Sinora (Hà Lan) nhân giống ở vụ Xuân, bảo quản trong kho lạnh để làm giống cho sản xuất vụ Đông, trồng mật độ dày để tăng lượng củ giống. Thời vụ gieo trồng từ ngày 15/12/2013 đến 05/01/2014.

- Cây khoai lang trồng bằng các giống mới có năng suất, chất lượng, có giá trị hàng hóa cao như: KLC266 vỏ hồng, ruột vàng; Hoàng Long; LB1... Thời vụ trồng từ ngày 15/1 đến 15/2/2014.

- Các loại rau đậu, dưa, bí: Tích cực, chủ động tìm kiếm đối tác thu mua sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ; quy vùng sản xuất đảm bảo đủ sản lượng và chất lượng, tập trung vào các cây như bí, dưa chuột, dưa gang, ớt và một số loại rau: Bí xanh số 2, Bí xanh Thiên thanh 5 có chất lượng tốt, ăn tươi hoặc chế biến; dưa chuột lai CV5, CV29, CV209; đậu đũa VC2 ít hạt cùi dày, chất lượng tốt; dưa Thanh Lê số 1, dưa bở vàng thơm số 1...; giống đậu xanh ĐX14, ĐX11 có giá trị hàng hóa cao.

c. Cây màu hè.

- Thời vụ: Gieo trồng cây màu hè đúng thời vụ, tránh chen ép lúa mùa và né lũ trên đất bãi ngoài đê, gieo trồng kết thúc trong tháng 5/2014; áp dụng kỹ thuật làm bầu, rế lúa đặt bầu để tận dụng tối đa thời vụ.

- Giống cây vụ Hè: Gieo trồng các loại dưa ăn quả, các giống đậu, vừng, ngô nếp, ngô làm thức ăn chăn nuôi.

d. Phân bón:

* *Đối với cây lúa:* Dùng phân NPK chuyên lót và chuyên thúc bón cho lúa; bón lót sâu, thúc sớm; không bón đạm đơn, bón bổ sung 3-5 kg kali cho các giống lúa BC15, lúa lai, lúa chất lượng và 2-3 kg kali cho các giống lúa khác vào giai đoạn lúa đẻ kín đất. Khuyến cáo sử dụng phân bón hữu cơ vi sinh, đặc biệt trên những chân đất xấu, nghèo mùn, chua mặn, thành phần cơ giới nhẹ. Bổ sung chất hỗ trợ sinh trưởng khi cần thiết giúp cây tăng cường khả năng ra rễ, tăng khả năng chống chịu với điều kiện thời tiết bất thuận và dịch hại.

* *Đối với cây màu:* Sử dụng phân hữu cơ vi sinh bón lót và thúc sớm cho cây màu, nhất là nhóm ngô, rau dưa, bí. Chăm sóc cây con từ vườn ươm, trong bầu và ngay sau khi đặt bầu, trồng cây ra ruộng bằng cách tưới như nước phân chuồng ngâm lân pha loãng, kết hợp sử dụng các chất hỗ trợ sinh trưởng cho cây màu như Bò đề 688, ET, KH...khi cây bén rễ và ra lá mới; phun thuốc Validacin, Encoleton phòng bệnh lở cổ rễ; bón thúc sớm bằng phân NPK hàm lượng cao, lên luống, định nhánh, bấm ngọn, định quả, phun phòng trừ sâu bệnh và các loại thuốc hỗ trợ sinh trưởng theo hướng dẫn.

e. Công tác bảo vệ thực vật

- Tổ chức giám sát chặt chẽ nguồn sâu, bệnh qua đông: Sâu đục thân, bệnh Lùn sọc đen... có kế hoạch chủ động phòng trừ có hiệu quả cho vụ Xuân.

- Tổ chức chiến dịch diệt chuột trên địa bàn toàn tỉnh vào giai đoạn đở ải, công tác diệt chuột phải được thực hiện thường xuyên trong năm với phương châm "tăng cường đánh bắt bằng phương pháp thủ công, kết hợp với các loại thuốc hóa sinh học có hiệu quả cao" để bảo vệ sản xuất. Thay đổi loại thuốc và cách dùng thuốc để diệt chuột.

- Áp dụng các biện pháp phòng trừ dịch hại tổng hợp trên cây trồng (IPM).

- Thường xuyên kiểm tra đồng ruộng, kịp thời phát hiện, phòng chống bệnh lùn sọc đen theo hướng dẫn tại Thông tư số 58/2010/TT-BNNPTNT ngày 05/10/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định biện pháp phòng, trừ bệnh lùn sọc đen hại lúa;

- Tăng cường công tác điều tra, phát hiện, dự tính, dự báo sớm các đối tượng dịch hại có khả năng gây hại trên các loại cây trồng; hướng dẫn nông dân sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo nguyên tắc 4 đúng (đúng thuốc, đúng lúc, đúng nồng độ liều lượng, đúng kỹ thuật), đảm bảo hiệu quả kinh tế và bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng.

g. Công tác thủy nông (có đề án riêng): Phương châm điều hành chỉ đạo: Giữ nước để chủ động tưới là chính, hạn chế tiêu.

- Triển khai nạo vét, khơi thông dòng chảy trên các sông trực, sông dẫn, đánh sa bồi sớm tại cửa cống; tổ chức làm thủy lợi nội đồng, thu vớt rau bèo, dẹp bỏ đống đó, vó bè giải phóng dòng chảy. Triển khai đồng bộ khoán quản lý sông trực từ cấp 1 đến cấp 3 cho nhóm hoặc từng người lao động.

- Căn cứ vào thời vụ gieo cấy lúa xuân để đồ ải, khoanh vùng và không đồ ải tràn lan ảnh hưởng đến sản xuất vụ Đông; vùng đất chua, mặn phải có kế hoạch lấy nước sớm để thau chua, rửa mặn.

3.3. Chính sách hỗ trợ sản xuất vụ Xuân, vụ Hè năm 2014 (Có quyết định riêng).

a. Các chính sách tiếp tục thực hiện:

- Tiếp tục cơ chế hỗ trợ sản xuất vụ Hè năm 2014 theo Quyết định số 721/QĐ-UBND ngày 22/4/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Hỗ trợ máy cấy và giống khoai tây xuân theo Quyết định số 2768/QĐ-UBND ngày 27/11/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Hỗ trợ kinh phí mua thuốc diệt chuột bảo vệ sản xuất cho 100% diện tích gieo trồng vụ Xuân.

- Hỗ trợ kinh phí mua thuốc trừ cỏ cho diện tích lúa gieo thẳng.

- Hỗ trợ đào tạo tập huấn kỹ thuật cho nông dân các địa phương.

b. Bổ sung chính sách mới: Hỗ trợ xây dựng các cánh đồng mẫu tập trung ổn định, tăng hiệu quả kinh tế.

Ngoài chính sách hỗ trợ của tỉnh: Các huyện, thành phố; các xã, phường, thị trấn căn cứ vào yêu cầu và điều kiện cụ thể của địa phương có chính sách hỗ trợ riêng để khuyến khích hộ nông dân phát triển sản xuất.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

1. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

- Căn cứ chủ trương của tỉnh, xây dựng Đề án sản xuất vụ Xuân, vụ Hè năm 2014 của địa phương; chỉ đạo các xã lập đề án, kế hoạch sản xuất với các chỉ tiêu cụ thể, đặc biệt kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng tái cơ cấu ngành trồng trọt. Chú trọng lịch thời vụ, cơ cấu giống cây trồng nói chung, giống lúa nói riêng, xây dựng mô hình vùng sản xuất hàng hóa có hợp đồng bao tiêu sản phẩm;

- Thành lập đoàn công tác kiểm tra và thẩm định đề án sản xuất vụ Xuân, vụ Hè của các xã; phân công lãnh đạo phụ trách xã, cụm xã, chỉ đạo cụ thể đối với những xã còn cây giống dài ngày để thống nhất chủ trương, giải pháp chỉ đạo và có biện pháp xử lý với các xã để năng suất lúa giảm do không đảm bảo về cơ cấu giống và thời vụ theo chỉ đạo;

- Xây dựng kế hoạch tuyên truyền chủ trương sản xuất của tỉnh, huyện, thành phố; tập huấn, hướng dẫn nông dân gieo trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho từng loại cây trồng; triển khai mở rộng diện tích lúa gieo thẳng, hoặc lúa cấy bằng máy; các địa phương chủ động lấy nước theo lịch của tỉnh và điều tiết nước hợp lý giữa các vùng gieo cấy lúa xuân và vùng sản xuất cây vụ Đông;

- Bố trí cán bộ các phòng, ban, đoàn thể chính trị xã hội xuống các xã: Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và vận động nông dân thực hiện nghiêm túc về cơ cấu giống, lịch thời vụ, quy hoạch vùng sản xuất; phê bình, xử lý các địa phương thực hiện không đúng chủ trương đề án của tỉnh, huyện, thành phố.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra kết quả sản xuất của các địa phương; tham mưu đề xuất kịp thời với Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện; chỉ đạo các đơn vị trong ngành xây dựng kế hoạch và chuẩn bị mọi điều kiện cho sản xuất vụ Xuân, vụ Hè năm 2014;

- Tăng cường cán bộ kỹ thuật xuống cơ sở, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tuyên truyền phổ biến chủ trương sản xuất của tỉnh, huyện, thành phố; tập huấn, hướng dẫn cách thức sản xuất theo mô hình cánh đồng mẫu và kỹ thuật sản xuất cụ thể của từng loại cây trồng cho nông dân và các huyện, thành phố; xây dựng, cấp phát lịch thời vụ cho các xã, phường, thị trấn; in tài liệu phục vụ xây dựng cánh đồng mẫu;

- Chỉ đạo các phòng chức năng và các đơn vị thuộc Sở phối hợp chặt chẽ với các địa phương chủ động tổ chức thực hiện;

Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Thái Bình xây dựng băng hình khoa giáo, tuyên truyền để nông dân tiếp thu thực hiện;

- Chỉ đạo Thanh tra ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng tổ chức kiểm tra sản xuất, kinh doanh giống lúa, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và các loại vật tư nông nghiệp, ngăn chặn và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm theo quy định;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố xây dựng cụ thể cơ chế, chính sách về đối tượng, định mức, phương thức, điều kiện áp dụng cho từng nội dung để tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kịp thời cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp.

3. Các sở, ban, ngành liên quan của tỉnh: Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện tốt Đề án sản xuất nông nghiệp vụ Xuân, vụ Hè năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Sở Công thương tham mưu, đề xuất chính sách kêu gọi, thu hút các doanh nghiệp xây dựng các nhà máy chế biến và thu mua sản phẩm nông sản cho nông dân; chỉ đạo Chi cục Quản lý thị trường làm tốt công tác quản lý thị trường về lĩnh vực kinh doanh vật tư nông nghiệp.

Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các đơn vị liên quan tuyên truyền, vận động và triển khai các mô hình ứng dụng khoa học kỹ thuật sử dụng rơm rạ trong sản xuất nấm, phân hữu cơ, phân vi sinh phục vụ sản xuất, đời sống và bảo vệ môi trường.

4. Các đoàn thể chính trị, xã hội và cơ quan truyền thông đại chúng:

- Hội Nông dân tỉnh, Hội Phụ nữ tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông

thôn, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tập trung tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nông dân thực hiện Đề án sản xuất nông nghiệp vụ Xuân, vụ Hè năm 2014;

- Các cơ quan thông tin đại chúng tăng thời lượng và chọn thời điểm phù hợp tuyên truyền, phổ biến Đề án; kịp thời biểu dương các cá nhân và tổ chức làm tốt, phê bình các địa phương, cá nhân làm chưa tốt./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Ca